

**KẾ HOẠCH THU QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Mức Lương cơ sở	Kế hoạch thu (đồng)	Ghi chú
1	PHUNG TUAN NGHIA	2.340.000	53.182	
2	LE HONG KHANH	2.340.000	53.182	
3	NGUYEN THI THUY	2.340.000	53.182	
4	DANG-TRAN HOAI THUONG	2.340.000	53.182	
5	DINH THI MY DUNG	2.340.000	53.182	
6	TRAN THI DAN	2.340.000	53.182	
7	NGUYEN THI LOAN	2.340.000	53.182	
8	HA VAN HUNG	2.340.000	53.182	
9	CAO XUAN THANH	2.340.000	53.182	
10	DINH THI MINH	2.340.000	53.182	
11	NGUYEN THI MAI	2.340.000	53.182	
12	NGUYEN THI THANH THUY	2.340.000	53.182	
13	NGUYEN THI HUONG	2.340.000	53.182	
14	NGUYEN THI THO	2.340.000	53.182	
15	NGUYEN THI HAI YEN	2.340.000	53.182	
16	NONG VAN HUNG	2.340.000	53.182	
17	BIEN THI HONG XUAN	2.340.000	53.182	
18	NGUYEN THI LAI	2.340.000	53.182	
19	TRAN BA DUC	2.340.000	53.182	
20	TONG THI THUY	2.340.000	53.182	
21	HA THI KIM TRANG	2.340.000	53.182	
22	DOAN THI HONG	2.340.000	53.182	
23	VI PHUONG THAO	2.340.000	53.182	
24	DAO THI HIEN	2.340.000	53.182	
25	K BRI	2.340.000	53.182	
26	HOANG THI NGOC	2.340.000	53.182	
27	BUI THI THANH HUONG	2.340.000	53.182	
28	K'RƠ	2.340.000	53.182	
29	KA VÍ UYÊN	2.340.000	53.182	
30	TRẦN THỊ PHƯỢNG	2.340.000	53.182	
	<b>Cộng</b>		<b>1.595.455</b>	

Bảng chữ: (Một triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng).

Đạ Huoai 2, ngày 04 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LẬP

**Bùi Thị Thanh Hương**

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



**Phùng Tuấn Nghĩa**